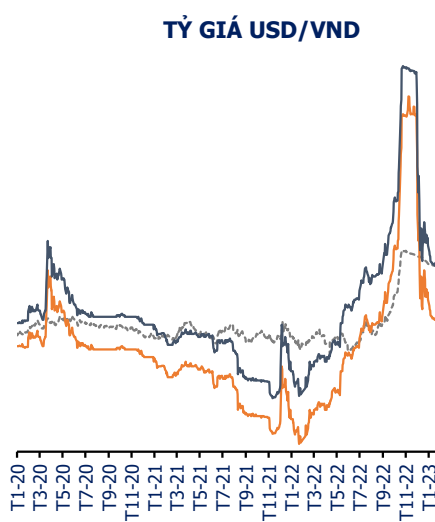


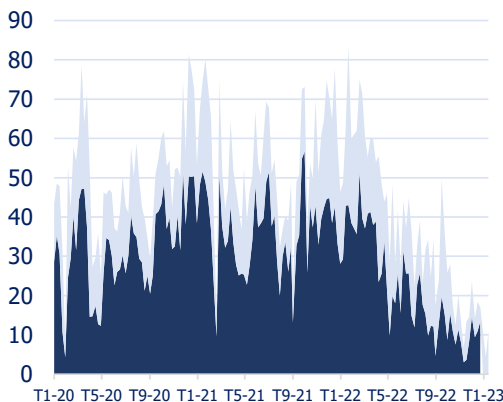
TỶ GIÁ USD/VND



----- Tỷ giá trung tâm — Tỷ giá mua của NHTM

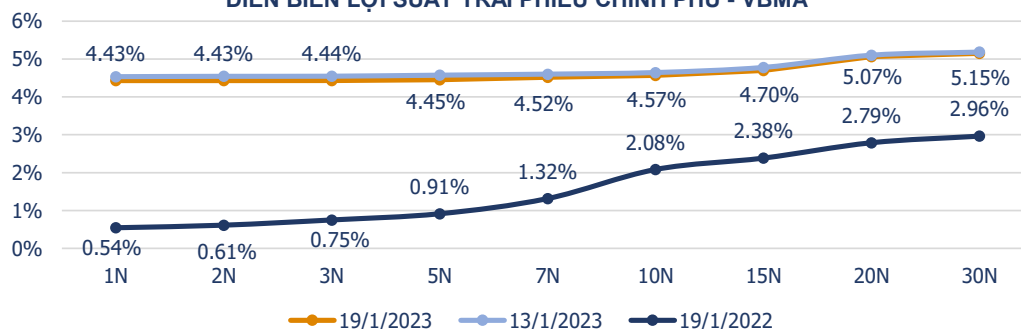
— Tỷ giá bán của NHTM

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



■ Outright ■ Repo

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng quay đầu giảm ở các kỳ hạn ngắn dưới 1 tháng. Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm nhẹ 0.07% chốt phiên cuối tuần ở mức 6.09%, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 6.46% (tương đương giảm 0.04%). Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 855 nghìn tỷ đồng khi thị trường chỉ giao dịch trong 4 phiên. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch chiếm 94.3% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Tuần qua, tỷ giá USD/VND gần như đi ngang trong tuần giao dịch cuối cùng trước Tết nguyên đán. Tỷ giá trung tâm của NHNN kết tuần ở mức 23,605 đồng/USD (tăng 3 đồng so với thứ 6 tuần trước). Trong khi đó, tỷ giá mua vào tại Vietcombank giảm 10 đồng/USD, xuống 23,250 đồng/USD (mua chuyển khoản) và tỷ giá bán tăng 10 đồng/USD, lên 23,620 đồng/USD (bán).

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 12,500 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 7 năm, 10 năm và 15 năm với tỷ lệ trúng thầu đạt 96%. Trong tháng 1/2023, KBNN đã công bố kế hoạch đấu thầu 400,000 tỷ TPCP trong năm 2023, trong đó, kế hoạch phát hành cho Quý 1/ 2023 là 108,000 tỷ đồng. Tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 32,832 tỷ đồng (tương ứng đạt 8.2% kế hoạch năm và 30.4% kế hoạch quý 1/2023). Tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 10,500 tỷ đồng ở 3 kỳ hạn (5 năm, 10 và 15 năm).

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt gần 20.5 nghìn tỷ đồng trong đó GTGD thông thường (outright) trung bình ngày tăng 26% và GTGD mua bán lại (repo) trung bình ngày tăng 10% so với tuần trước. NĐTNN bán ròng 71 tỷ TPCP trong tuần. Lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tiếp nổi xu hướng giảm điểm ở tất cả các kỳ hạn.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 19/01/2023, chưa có đợt phát hành TPDN riêng lẻ nào được ghi nhận trong tháng 01/2023.

Báo cáo tuần

Thị trường tiền tệ

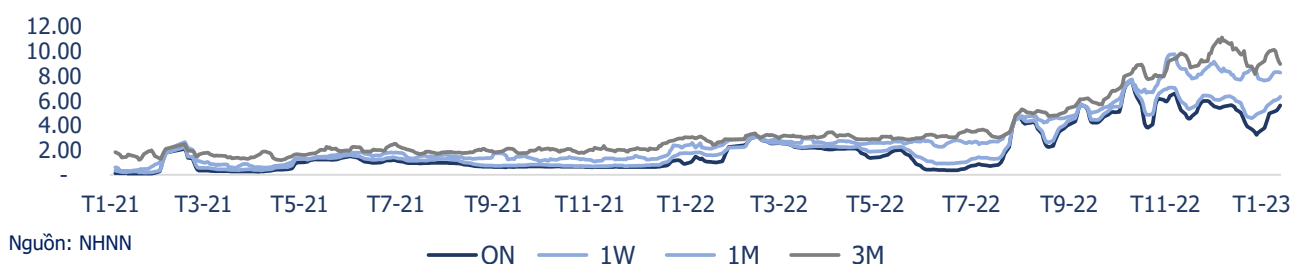
Lãi suất liên ngân hàng: Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng quay đầu giảm nhẹ ở các kỳ hạn ngắn dưới 1 tháng. Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm nhẹ 0.07% chốt phiên cuối tuần ở mức 6.09%, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 6.46% (tương đương giảm 0.04%). So với tháng 12, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh ở hầu hết các kỳ hạn do nhu cầu thanh toán VND gia tăng vào thời điểm cận Tết Nguyên đán.

Khối lượng giao dịch: Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 855 nghìn tỷ đồng khi thị trường chỉ giao dịch trong 4 phiên. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt 590 nghìn tỷ đồng và 217 nghìn tỷ đồng. Tổng khối lượng giao dịch 2 kỳ hạn trên đạt 807 nghìn tỷ và chiếm 94.3% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

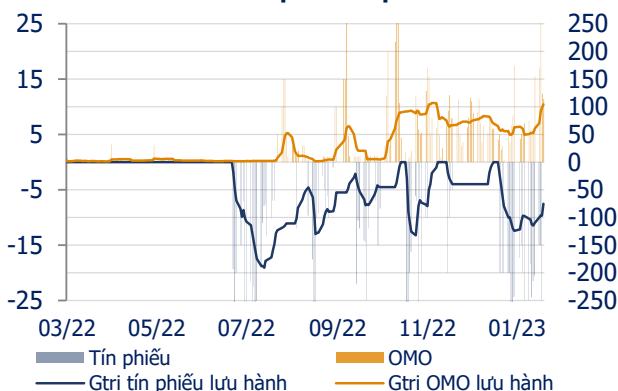
Nghiệp vụ thị trường mở: Tuần qua, NHNN đảo chiều bơm ròng gần 78 nghìn tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường trong thời điểm cận Tết Nguyên đán. Qua kênh tín phiếu, NHNN thực hiện phát hành gần 55 nghìn tỷ tín phiếu kỳ hạn 14 ngày, lãi suất phát hành ở mức 5.7% - 6%. Có 89.5 nghìn tỷ tín phiếu đáo hạn trong tuần và khối lượng lưu hành trên kênh này giảm mạnh xuống 75.5 nghìn tỷ đồng. Trên kênh OMO, NHNN bơm ra khoảng 67.6 nghìn tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày với lãi suất trúng thầu 6% và có khoảng 24 nghìn tỷ đồng đến hạn. Theo đó, NHNN bơm ròng hơn 43.4 nghìn tỷ vào hệ thống qua kênh cầm cố và khối lượng lưu hành trên kênh này tăng lên gần 104 nghìn tỷ đồng.

Đvị : %	TB 5 ngày	19/1/2023	13/1/2023	% Đổi tuần trước	% Đổi tháng trước
ON	6.23	6.09	6.16	-7	175
1W	6.58	6.46	6.50	-4	95
2W	7.49	7.20	8.07	-87	54
1M	8.34	9.00	8.20	80	170
3M	8.82	9.71	8.83	88	167
6M	10.70	10.35	11.42	-107	-73
9M	9.61	9.61	9.61	0	61

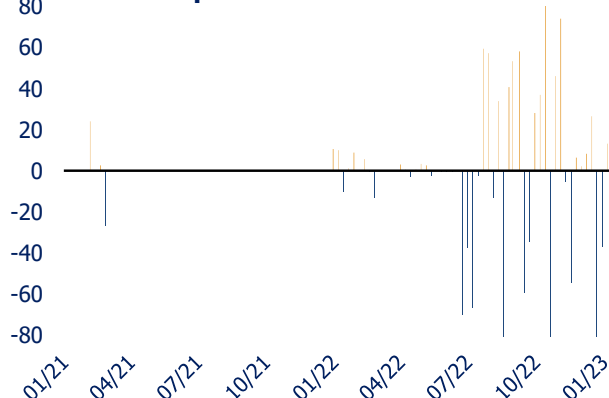
BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



TÍN PHIẾU KHO BẠC VÀ THỊ TRƯỜNG MỞ



KHỐI LƯỢNG TIỀN NHNN BƠM RÒNG

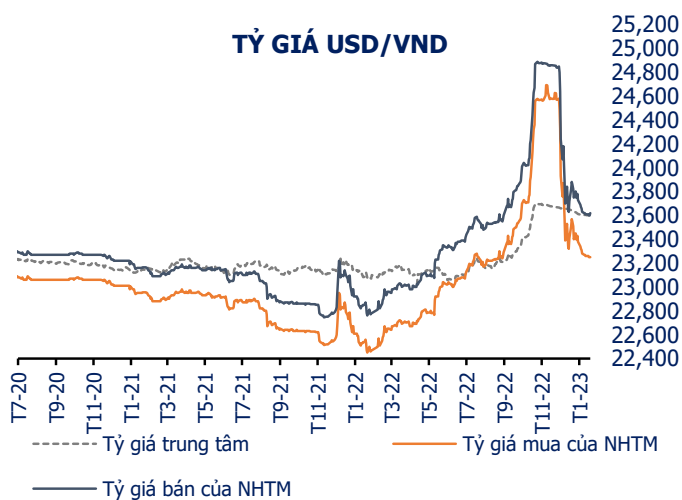


Báo cáo tuần

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá USD/VND: Tuần qua, tỷ giá USD/VND gần như đi ngang trong tuần giao dịch cuối cùng sát Tết nguyên đán. Tỷ giá trung tâm của NHNN kết tuần ở mức 23,605 đồng/USD (tăng 3 đồng so với thứ 6 tuần trước). Trong khi đó, tỷ giá mua vào tại Vietcombank giảm 10 đồng/USD, xuống 23,250 đồng/USD (mua chuyển khoản) và tỷ giá bán tăng 10 đồng/USD, lên 23,620 đồng/USD (bán).

Thị trường ngoại tệ: Không có bất ngờ nào sau cuộc họp của NHTW Nhật Bản (BOJ) vào 16-17/1 khi BOJ vẫn duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng bất chấp kỳ vọng của thị trường về áp lực lạm phát gia tăng sẽ buộc cơ quan điều hành cân nhắc việc xoay trục chính sách. CPI lõi của Nhật Bản trong tháng 12 đạt 4%, cao hơn gấp đôi so với mức mục tiêu 2% của BOJ và là mức cao nhất kể từ 1981. Đồng JPY đảo chiều giảm điểm so với đồng USD sau quyết định chính sách của BOJ, giảm 0.42% so với tuần trước đó. Tâm điểm của tuần giao dịch tới là cuộc họp chính sách của các NHTW lớn trên thế giới (Fed, BOE và ECB). Thị trường kỳ vọng Fed chỉ nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản (0.25%) trong bối cảnh xuất hiện nhiều dấu hiệu lạm phát đã hạ nhiệt. Trong khi đó, BOE và ECB được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng lãi suất điều hành thêm 50 điểm cơ bản (0.5%) trong cuộc họp sắp tới.



Tỷ giá trung tâm

	Tỷ giá	% Thay đổi
9/1/2023	23,605	
10/1/2023	23,603	▼ -0.008%
11/1/2023	23,604	▲ 0.004%
12/1/2023	23,605	▲ 0.004%
13/1/2023	23,602	▼ -0.013%
16/1/2023	23,601	▼ -0.004%
17/1/2023	23,603	▲ 0.008%
18/1/2023	23,606	▲ 0.013%
19/1/2023	23,605	▼ -0.004%

Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN, Vietcombank

	19/1/2023	13/1/2023	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
VND/USD	0.0000426	0.0000427	-0.05%	0.35%
EUR/USD	1.0827	1.0828	-0.01%	2.66%
CNY/USD	0.1475	0.1491	-1.07%	2.01%
JPY/USD	0.7785	0.7818	-0.42%	2.00%
GBP/USD	1.2389	1.2226	1.33%	3.54%
USD index	102.0600	102.2000	-0.14%	-2.35%

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Thị trường TPCP sơ cấp

Trái phiếu chính phủ: Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 12,500 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 7 năm (500 tỷ đồng), 10 năm (6,000 tỷ đồng) và 15 năm (6,000 tỷ đồng). Tổng khối lượng trái phiếu trúng thầu đạt 12,000 tỷ đồng (tương ứng đạt 96% kế trúng thầu), trong đó trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm trúng thầu toàn bộ, trái phiếu kỳ hạn 7 năm gọi thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm lần lượt 9 điểm và 11 điểm so với lãi suất trúng thầu gần nhất.

Trong tháng 1/2023, KBNN đã công bố kế hoạch đấu thầu 400,000 tỷ TPCP trong năm 2023, trong đó, kế hoạch phát hành cho Quý 1/ 2023 là 108,000 tỷ đồng. Tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 32,832 tỷ đồng (tương ứng đạt 8.2% kế hoạch năm và 30.4% kế hoạch quý 1/2023). Cụ thể, tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị phát hành của kỳ hạn 10 năm và 15 năm lần lượt là 16,332 tỷ đồng (đạt 36.3% kế hoạch quý) và 16,500 tỷ đồng (đạt 36.7% kế hoạch quý).

Trái phiếu chính phủ bảo lãnh: Trong tuần không có phiên đấu thầu Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh nào được tổ chức.

Kế hoạch đấu thầu TPCP trong tuần 30/01 - 03/02/2023: Trong tuần tới, KBNN tiến hành gọi thầu 10,500 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 5 năm (500 tỷ đồng), 10 năm (5,000 tỷ đồng) và 15 năm (5,000 tỷ đồng).

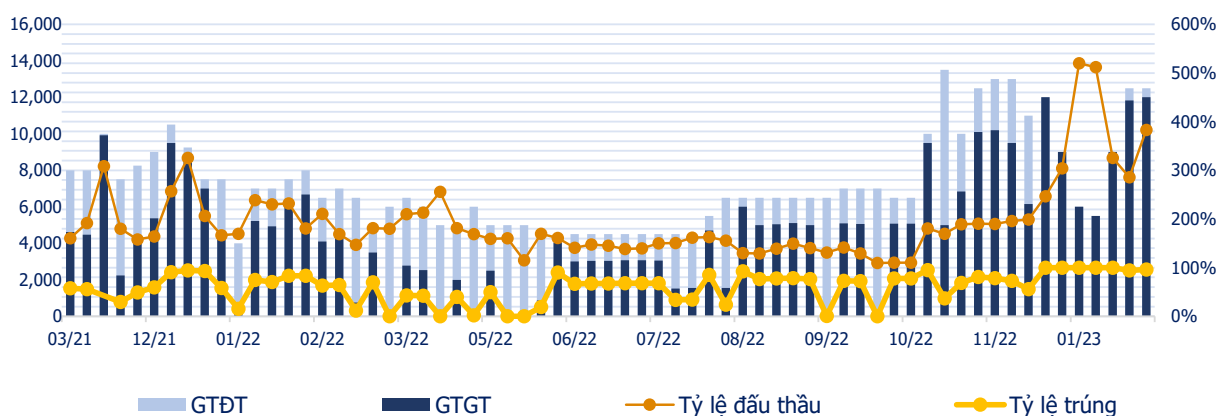
Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 16/1 - 19/1/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kỳ hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tđổi (bps)
1	TD2330106	KBNN	7	18/01/2023	500	1,800	0	-	0
2	TD2338131	KBNN	15	18/01/2023	6,000	23,658	6,000	4.56	-11
3	TD2333116	KBNN	10	18/01/2023	6,000	22,400	6,000	4.36	-9

Kế hoạch đấu thầu (tuần 30/1 - 3/2/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ)
1	02/02/2023	KBNN	TD2328097	Lần đầu	5	500
2	02/02/2023	KBNN	TD2333117	Lần đầu	10	5,000
3	02/02/2023	KBNN	TD2338132	Lần đầu	15	5,000

KHỐI LƯỢNG GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU 2022 - 2023



Nguồn: HNX

Đvị : %

Báo cáo tuần

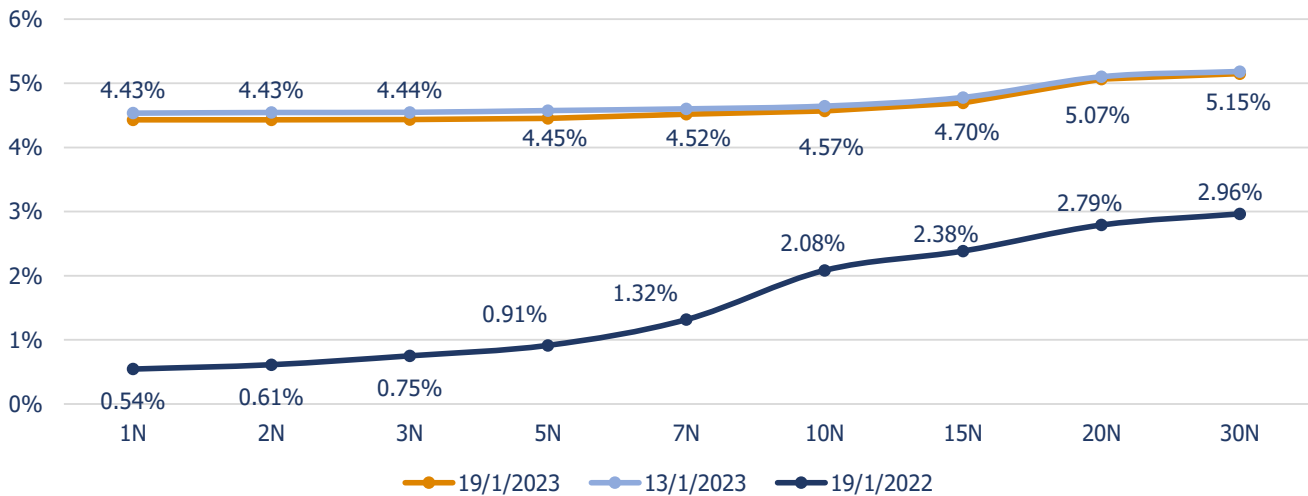
Thị trường TPCP thứ cấp

Tình hình giao dịch: Trong tuần, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt gần 20.5 nghìn tỷ đồng trong đó GTGD thông thường (outright) là gần 11 nghìn tỷ đồng và GTGD mua bán lại (repo) là gần 9.5 nghìn tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch trong tuần giảm 5% so với tuần liền kề do giao dịch ít hơn 1 phiên. GTGD outright trung bình ngày là 2,744 tỷ đồng (tăng 26% so với tuần trước) và GTGD repo trung bình ngày là 2,369 tỷ đồng (tăng 10% so với tuần trước).

Nhà đầu tư nước ngoài: Khối ngoại chuyển trạng thái sang bán ròng nhẹ 71 tỷ TPCP trong tuần. Lũy kế từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 68 tỷ đồng TPCP.

Lợi suất trái phiếu chính phủ (theo VBMA): Lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tiếp nối xu hướng giảm điểm ở tất cả các kỳ hạn. Trong đó, các nhà tạo lập thị trường VBMA đã thống nhất chào giá không cam kết thực hiện kể từ ngày 10/10/2022.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

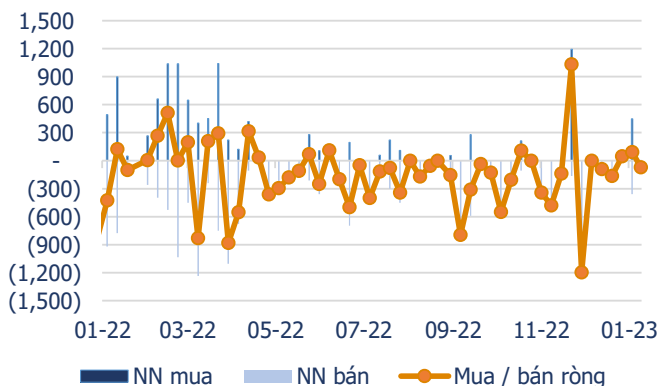


Biến động lợi suất theo phòng giao dịch VBMA

So với	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
Tuần trước	-10.4	-11.4	-11.2	-12.2	-8.3	-7.3	-8.3	-3.4	-3.3
Tháng trước	-27.4	-29.3	-30.1	-33.7	-32.6	-32.6	-32.8	-14.7	-14.7

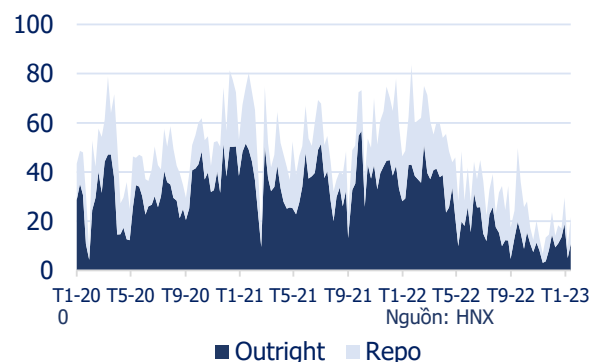
Nguồn: VBMA Đơn vị: Điểm

GIAO DỊCH NHẬT NN 2022 - 2023



Nguồn: HNX

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 01/2023:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 19/01/2023, chưa có đợt phát hành TPDN nào được ghi nhận trong tháng 01 năm 2023. Các đợt phát hành mới được công bố trong tháng 1 đều đã được phát hành trong năm 2022.

Tính đến ngày công bố thông tin 19/01/2023 cập nhật các đợt phát hành mới được công bố, trong năm 2022, có tổng cộng 23 đợt phát hành ra công chúng với tổng giá trị phát hành là 10,599 tỷ đồng, giảm 65% so với năm 2021 (chiếm khoảng 4% tổng giá trị phát hành), 435 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị phát hành là 248,046 tỷ đồng, giảm 65% so với năm 2021 (chiếm khoảng 96% tổng giá trị phát hành).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu từ HNX và SSC, tổng khối lượng phát hành trái phiếu trong năm 2022 ghi nhận theo ngày hoàn thành phát hành là 341,125 tỷ đồng.*

Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 01/2023:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX, tính đến ngày công bố thông tin 19/01/2023, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn là 6,320 tỷ đồng (tăng 300% so với cùng kỳ tháng 01/2022).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX.*

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tháng 01/2023:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong tháng 01/2023 là gần 17.3 nghìn tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nhóm bất động sản (10.5 nghìn tỷ đồng, chiếm 61% giá trị TPDN đến hạn) và nhóm xây dựng (5.9 nghìn tỷ đồng, chiếm 34% giá trị TPDN đến hạn).

Kế hoạch phát hành TPDN năm 2023:

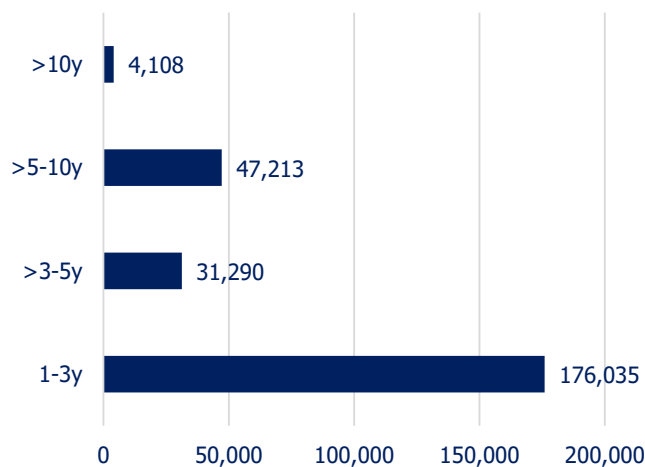
CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

CTCP Tập đoàn Masan đã công bố phương án chào bán ra công chúng 1,500 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm trong tháng 1 và tháng 2 năm 2023, kỳ hạn 60 tháng với mức lãi suất cố định 9.5% trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất thả nổi là Lãi suất tham chiếu + 3.975%/năm trong các kỳ tính lãi còn lại.

Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAB)

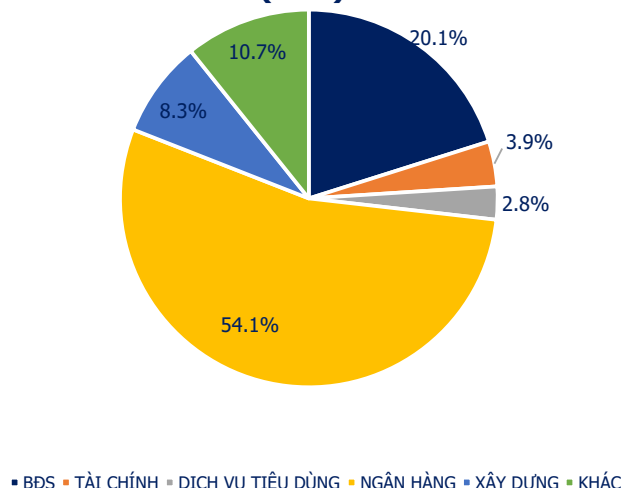
Ngân hàng TMCP Bắc Á đã công bố kế hoạch chào bán ra công chúng đợt 2 hơn 2,564 tỷ đồng trong tháng 1 và tháng 2 năm 2023, kỳ hạn 7 và 8 năm với mức lãi suất thả nổi lần lượt là Lãi suất tham chiếu (LSTC) + 1.1%/năm, LSTC + 1.3%/năm và LSTC + 1.5%/năm.

GTPH TRONG NƯỚC THEO KỲ HẠN
2022 (YTD)



Đơn vị: tỷ đồng

GTPH THEO NHÓM NGÀNH 2022
(YTD)



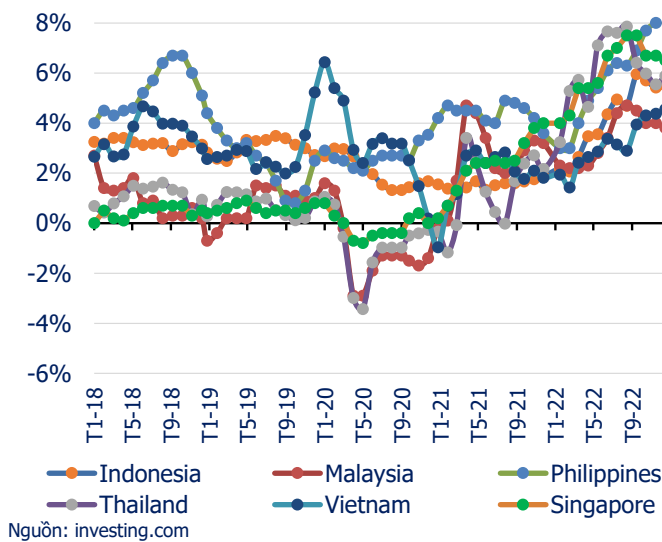
■ BĐS ■ TÀI CHÍNH ■ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG ■ NGÂN HÀNG ■ XÂY DỰNG ■ KHÁC

Báo cáo tuần

Tin quốc tế

Ngày	Quốc gia	Ngoại Tệ	Tác động	Sự kiện
30/01/2023	Đức	EUR	Cao	GDP Quý 4
01/02/2023	Mỹ	USD	Cao	Quyết định lãi suất của Fed
02/02/2023	Anh	GBP	Cao	Quyết định lãi suất của BOE
02/02/2023	Khu vực đồng tiền chung châu Âu	EUR	Cao	Quyết định lãi suất của ECB
03/02/2023	Mỹ	USD	Cao	Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 1)

Diễn biến lạm phát các nước trong khu vực



Chỉ số lạm phát một số nước trong khu vực

Date	Việt Nam	Thái Lan	Singapore	Phillipines
T11 2021	2.10%	2.71%	3.80%	4.20%
T12 2021	1.81%	2.17%	4.00%	3.60%
T1 2022	1.94%	3.23%	4.00%	3.00%
T2 2022	1.42%	5.28%	4.30%	3.00%
T3 2022	2.41%	5.73%	5.40%	4.00%
T4 2022	2.64%	4.65%	5.40%	4.90%
T5 2022	2.86%	7.10%	5.60%	5.40%
T6 2022	3.37%	7.66%	6.70%	6.10%
T7 2022	3.14%	7.61%	7.00%	6.40%
T8 2022	2.89%	7.86%	7.50%	6.30%
T9 2022	3.94%	6.41%	7.50%	6.90%
T10 2022	4.30%	5.98%	6.70%	7.70%
T11 2022	4.37%	5.55%	6.70%	8.00%
T12 2022	4.55%	5.89%	6.50%	8.10%

Nguồn: Trading economics

Lợi suất bình quân của TPCP 5 năm các nước trong khu vực và các nền kinh tế lớn trên thế giới

Đvt: %	Tr. Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T9 2021	2.69	(0.10)	2.78	2.85	0.72	0.86	0.91
T10 2021	2.82	(0.10)	2.91	3.17	0.79	0.93	0.93
T11 2021	2.73	(0.08)	3.17	4.15	-	1.20	0.78
T12 2021	2.71	(0.09)	3.14	4.12	-	1.16	0.79
T1 2022	2.51	(0.04)	3.26	3.94	1.51	1.53	0.91
T2 2022	2.50	0.03	3.32	4.31	1.44	1.85	1.09
T3 2022	2.56	0.02	3.33	4.57	1.46	2.11	1.66
T4 2022	2.54	0.02	3.57	5.06	1.85	2.76	2.16
T5 2022	2.56	0.01	3.92	5.61	2.48	2.87	2.36
T6 2022	2.59	0.03	3.84	5.59	2.51	3.19	2.41
T7 2022	2.56	0.01	3.59	5.02	2.08	2.50	1.92
T8 2022	2.44	(0.01)	3.75	5.43	2.03	3.05	3.05
T9 2022	2.44	0.05	3.95	6.21	2.38	3.74	3.58
T10 2022	2.48	0.08	4.21	6.50	2.69	4.18	4.73
T11 2022	2.58	0.08	4.16	6.79	2.43	4.06	4.82
T12 2022	2.68	0.17	3.86	6.45	2.01	3.76	4.78
T1 2023	2.66	0.23	3.79	6.53	1.92	3.73	4.63

LS giảm
LS tăng

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Phụ lục 1

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 16/1 - 19/1/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tđổi (bps)
1	TD2330106	KBNN	7	18/01/2023	500	1,800	0	-	0
2	TD2338131	KBNN	15	18/01/2023	6,000	23,658	6,000	4.56	-11
3	TD2333116	KBNN	10	18/01/2023	6,000	22,400	6,000	4.36	-9

Kế hoạch đấu thầu (tuần 30/1 - 3/2/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kì hạn	Giá trị (tỷ)
1	02/02/2023	KBNN	TD2328097	Lần đầu	5	500
2	02/02/2023	KBNN	TD2333117	Lần đầu	10	5,000
3	02/02/2023	KBNN	TD2338132	Lần đầu	15	5,000

Kế hoạch đấu thầu Trái phiếu Chính phủ Quý 1 năm 2023

STT	Kỳ hạn	Khối lượng dự kiến
1	5 năm và 7 năm	8,000 tỷ đồng
2	10 năm	45,000 tỷ đồng
3	15 năm	45,000 tỷ đồng
4	20 năm	5,000 tỷ đồng
5	30 năm	5,000 tỷ đồng
Tổng mức phát hành		108,000 tỷ đồng

Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc	Kì hạn còn lại	LS Giao dịch
1	TD1631461	2,197	15	7.9	4.6 - 4.6001
2	TD1747409	1,880	30	23.9	5.1 - 5.2
3	TD2050035	997	30	27.0	5.2 - 5.2
4	TD2333116	856	10	9.9	4.32 - 4.4524
5	TD2030018	818	10	7.6	4.4999 - 4.4999
6	TD1530289	723	15	7.3	4.7 - 4.75
7	TD2252132	528	30	29.0	5.2 - 5.2
8	TD1646503	496	30	23.7	4.85 - 5.2
9	TD2338131	484	15	14.9	4.58 - 4.67
10	TD1929179	250	10	6.5	4.3999 - 5.0999

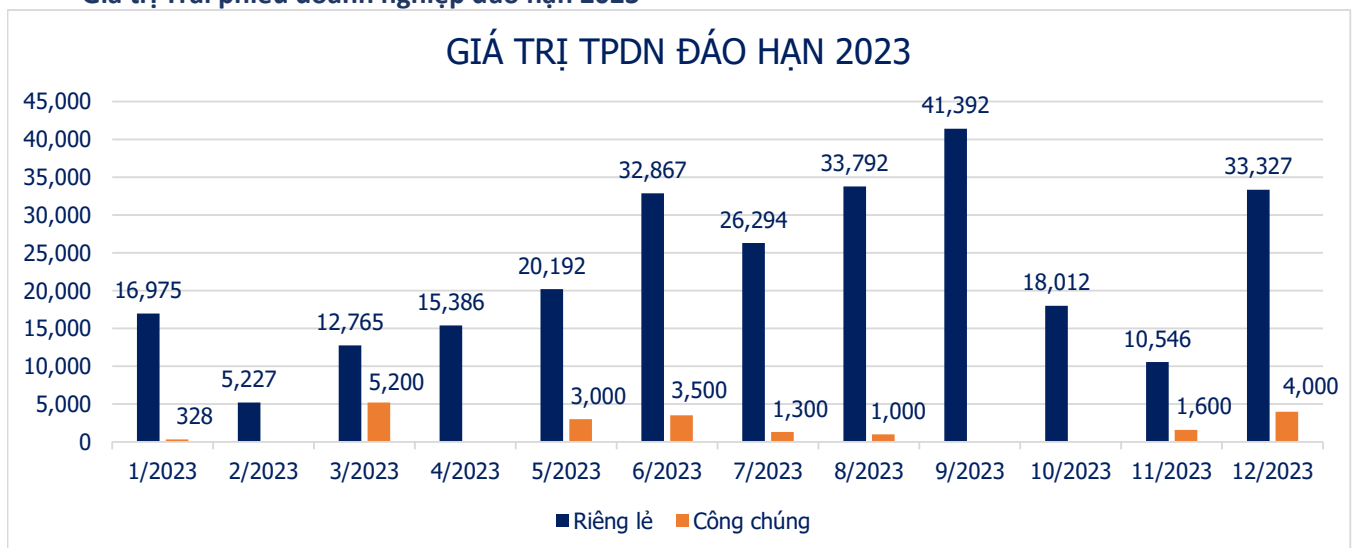
Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 12/2022

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	LOẠI HÌNH DNP	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2223001	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	1.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2226004	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	4.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2228006	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	6.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2227005	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	5.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2224002	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	2.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2225003	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	3.00
CT TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG THÀNH NGUYÊN	RIÊNG LẺ	500	TNECH2227001	NĂNG LƯỢNG	9/12/2022	KỶ ĐẦU: 13%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T VNĐ TPB +4.8%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 13%/NĂM	5.00
CTCP ĐẦU TƯ NAM LONG	RIÊNG LẺ	500	NLGH2229002	XÂY DỰNG	13/12/2022	LS CƠ BẢN CỐ ĐỊNH + 3.5%/NĂM	7.00
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	RIÊNG LẺ	200	BIDL2242033	NGÂN HÀNG	9/12/2022	8.5%/NĂM	20.00
CTCP KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT 1	RIÊNG LẺ	150	AP1CH2227001	BDS	29/12/2022	6%/NĂM	5.00
NGÂN HÀNG TMCP QUẢN ĐỘI	RIÊNG LẺ	200	MBBL2229021	NGÂN HÀNG	30/12/2022	8.8%/NĂM	7.00
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	RIÊNG LẺ	100	BIDL2242034	NGÂN HÀNG	27/12/2022	8.5%/NĂM	20.00
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	RIÊNG LẺ	3169.5	BIDLH2228035	NGÂN HÀNG	28/12/2022	9.1%/NĂM	6.00
CTCP PHÁT TRIỂN NHÀ BÀ RỊA - VŨNG TÀU	RIÊNG LẺ	70	HDCH2224002	BDS	30/12/2022	KỶ ĐẦU: 11.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK CÁ NHÂN 12T VIETINBANK + 4%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 11.5%/NĂM	2.00

Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2023





Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84) 24 3974 8781
Fax: (84) 4 3974 8782
Website: <http://www.vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.